

TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ TÀI NCKH CẤP TRƯỜNG
NĂM HỌC 2012-2013

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
KHOA Y (16 ĐỀ TÀI)						
1.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của tiêu chảy trẻ em do Rotavirus tại Khoa Truyền Nhiễm Bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ từ 2012 đến 2013	1. Xác định đặc điểm lâm sàng bệnh tiêu chảy ở trẻ em do Rotavirus tại Khoa Nhiễm BVNDCT 2. Mô tả đặc điểm cận lâm sàng bệnh tiêu chảy ở trẻ em do Rotavirus	- Tìm hiểu đặc điểm lâm sàng bệnh tiêu chảy ở trẻ em do Rotavirus tại khoa Truyền Nhiễm Bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ từ năm 2012 đến 2013 - Mô tả tỉ lệ nhiễm Rotavirus Xét nghiệm: công thức máu (HC, Hct, BC, CTBC, Hb, MCV, MCH).	8.000.000	Ths. Nguyễn Thị Thu Cúc	
2.	Tình hình nhiễm ký sinh trùng đường ruột ở sinh viên năm thứ tư Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ	1. Xác định tỷ lệ nhiễm ký sinh trùng đường ruột của sinh viên năm thứ 4 trường ĐHYD Cần Thơ. 2. Xác định các yếu tố nguy cơ nhiễm ký sinh trùng đường ruột của sinh viên năm thứ 4 trường Đại Học Y Dược Cần Thơ	- Phương pháp nghiên cứu: mô tả cắt ngang có phân tích. - Đối tượng nghiên cứu: tất cả sv bác sỹ đa khoa K35- Trường ĐHYDCT - Cỡ mẫu: $n = \frac{Z^2 \cdot 1 - \alpha/2 \cdot p \cdot (1 - p)}{d^2}$ - Z: hệ số tin cậy (Z= 95%) - d: sai số cho phép (d = 0,05) - p: tần số bệnh (P=0,4596) n = 381, chọn n = 400 sinh viên - Tiêu chuẩn loại trừ: ít nhất 1 trong 3 tiêu chuẩn; + Trả lời bảng câu hỏi không hoàn thành	8.000.000	BS. CKII. Đoàn Văn Quyền	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
			<ul style="list-style-type: none"> + Có tẩy giun trong 3 tháng gần đây + Có mẫu phân không đúng qui định. 			
3.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá kết quả điều trị chấn thương và vết thương thấu bụng tại bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2012	1. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân chấn thương và vết thương thấu bụng. 2. Đánh giá kết quả điều trị.	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp nghiên cứu: Hồi cứu và tiền cứu. - Đối tượng nghiên cứu: <ul style="list-style-type: none"> + Hồi cứu: tất cả hồ sơ bệnh án của những bệnh nhân được điều trị tại BV Đa khoa TP Cần Thơ với chẩn đoán chấn thương bụng hay vết thương thấu bụng + Tiền cứu: chọn vào lô nghiên cứu những bệnh nhân nêu trên nhưng theo bệnh án mẫu. - Cỡ mẫu: khoảng 90 bệnh nhân. - Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Chấn thương bụng không có tổn thương tạng + Ghi nhận thương tổn dựa vào LS và CLS ở những trường hợp có phẫu thuật thì dựa vào tường trình phẫu thuật, phương pháp phẫu thuật, mổ mở hay nội soi, kết quả điều. - Thời gian thực hiện: 1 năm (03/2012 -3/2013). 	8.000.000	Ths. Trần Hiếu Nhân	
4.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá kết quả sớm phẫu thuật nội soi điều trị viêm ruột thừa ở trẻ em tại bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2012	1. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng VRT trẻ em tại BV ĐKTP Cần Thơ. 2. Đánh giá kết quả điều trị VRT ở trẻ em bằng phẫu thuật nội soi.	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp nghiên cứu: Hồi cứu và tiền cứu. - Đối tượng nghiên cứu: <ul style="list-style-type: none"> + Hồi cứu: tất cả hồ sơ bệnh án của những bệnh nhân bệnh nhân trẻ em được PTNS điều trị VRT tại BV Đa khoa TP Cần Thơ + Tiền cứu: chọn vào lô nghiên cứu những bệnh nhân nêu trên nhưng theo bệnh án mẫu. 	8.000.000	Bs. CKII. Lê Thanh Hùng	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
			<ul style="list-style-type: none"> - Cỡ mẫu: khoảng 100 bệnh nhân. - Nội dung: Thu thập các hồ sơ bệnh án; lấy số liệu dựa vào bảng thu thập số liệu; phân tích số liệu và hoàn thành nghiên cứu. - Thời gian thực hiện: 1 năm (03/2012 -3/2013). 			
5.	Xác định kiểu gen đột biến kháng thuốc nguyên phát của virus viêm gan B ở bệnh nhân nhiễm virus viêm gan B chưa điều trị bằng kỹ thuật giải trình tự chuỗi.	1. Xác định genotype của HBV 2. Xác định các loại đột biến kháng Lamivudin, Adefovir và Entecavir	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng nghiên cứu: bệnh nhân nhiễm virus viêm gan B chưa điều trị đến khám tại các phòng khám viêm gan của các bệnh viện Đại học Y Dược Cần Thơ, bệnh viện Trung ương Cần Thơ, Trung tâm chẩn đoán y khoa thành phố Cần Thơ. - Tiến hành lấy máu tĩnh mạch đưa về phòng xét nghiệm làm xét nghiệm định lượng DNA HBV, xác định genotype và xác định đột biến kháng thuốc bằng kỹ thuật giải trình tự chuỗi 	15.000.000	Ths. Nguyễn Thị Hải Yến	
6.	Khảo sát tình trạng tái phát thần kinh trung ương trên bệnh bạch cầu cấp dòng lympho ở trẻ em điều trị bằng phác đồ FRALLE 2000	1. Xác định tỷ lệ và thời gian tái phát TKTU đối với từng nhóm nguy cơ của bạch cầu cấp dòng lympho (BCCDL) ở trẻ em. 2. Mô tả đặc điểm lâm sàng và sinh học của nhóm bệnh nhi BCCDL tại thời điểm tái phát TKTU. 3. Tìm hiểu mối tương quan giữa các phân nhóm nguy cơ và khả năng tái phát TKTU.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu được tiến hành tại bệnh viện Truyền Máu Huyết Học TPHCM từ năm 2006 đến 2011. * Tiến hành lấy mẫu theo sơ đồ sau: - Nhóm bệnh nhân mới (de novo) được chẩn đoán BCCDL, không xâm lấn TKTU lúc chẩn đoán, đồng ý điều trị đặc hiệu bằng phác đồ FRALLE 2000. - Chọn nhóm bệnh nhân đạt lui bệnh hoàn toàn sau điều trị tấn công. - Theo dõi sau đạt lui bệnh, những bệnh nhân có tái phát TKTU đơn thuần hoặc tái phát TKTU phối hợp sẽ được chọn vào nhóm nghiên cứu. 	12.000.000	Bs. Trương Thị Minh Khang	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
			<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát đặc điểm lâm sàng và sinh học của nhóm bệnh nhi có tái phát TKTU' ngay tại thời điểm tái phát. - Xác định phân nhóm nguy cơ theo FRALLE 2000 (đã được xác định trước khi điều trị) của nhóm bệnh nhi BCCDL có tái phát TKTU'. Từ đó tìm hiểu mối tương quan giữa phân nhóm nguy cơ trước điều trị và khả năng tái phát TKTU'. - Xác định thời gian, tỷ lệ tái phát TKTU' của bệnh nhi BCCDL theo từng nhóm nguy cơ. <p>* Xử lý số liệu và phân tích kết quả và báo cáo.</p>			
7.	Nghiên cứu chế tạo Globulin miễn dịch từ lòng đỏ trứng gà kháng Enzyme urease của vi khuẩn <i>Helicobacter pylori</i> phân lập từ bệnh nhân viêm loét dạ dày – tá tràng	<p>1. Chế tạo kháng thể IgY từ lòng đỏ trứng gà kháng enzyme urease của vi khuẩn <i>Helicobacter pylori</i>.</p> <p>2. Tinh chế kháng thể IgY kháng enzyme urease của vi khuẩn <i>Helicobacter pylori</i>.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu mô tả cắt ngang. - Đối tượng nghiên cứu: Gà mái giống Tam Hoàng (12 con): trọng lượng trung bình 1,2 – 1,5 kg, ở độ tuổi chuẩn bị đẻ trứng cùng lứa do Viện Chăn nuôi cung cấp. - Nội dung nghiên cứu: <ul style="list-style-type: none"> + Gây miễn dịch cho gà với enzyme urease đã tách chiết từ vi khuẩn <i>H. pylori</i> trong bệnh phẩm của bệnh nhân viêm loét dạ dày – tá tràng. + Xét nghiệm ELISA phát hiện kháng thể IgY đặc hiệu với enzyme urease của <i>H. pylori</i>. + Phân tích kháng thể IgY đặc hiệu với enzyme urease của <i>H. pylori</i> bằng kỹ thuật western blot. + Tách chiết IgY từ trứng gà sau gây miễn dịch. 	15.000.000	Ths. Đỗ Hoàng Long	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
			+ Thu thập kết quả và xử lý số liệu.			
8.	Khảo sát các số đo bình thường của gan và đường mật ngoài gan, túi mật trên siêu âm ở người trưởng thành khỏe mạnh đến khám tại bệnh viện trường ĐHYD Cần Thơ	<p>1. Xác định các số đo bình thường của gan ở người khỏe.</p> <p>2. Xác định các số đo bình thường của đường mật ngoài gan và trong gan ở người khỏe</p> <p>3. Xác định tỉ lệ các số đo bất thường của gan và đường mật ở người khỏe.</p>	<p>- Phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.</p> <p>- Cỡ mẫu:</p> $n = \frac{Z^2 \delta^2}{c^2} = \frac{1,96^2 \cdot 2,62^2}{0,5^2} \approx 106$ <p>Trong đó: n: cỡ mẫu nhỏ nhất Z=1.96 với mức tin cậy mong muốn là 95% δ= 2,62cm theo độ lệch chuẩn của mẫu nghiên cứu của Benjamin Effiong Udoh c = 0,5cm là độ chính xác mong muốn Để tăng tính chính xác, chọn cỡ mẫu là 400</p> <p>- <i>Chọn mẫu thuận tiện</i>: chọn những bệnh nhân đến bệnh viện trường ĐHYD Cần Thơ kiểm tra sức khỏe có siêu âm bụng tổng quát, với điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Tuổi >= 24 ○ Không có biểu hiện bệnh lý trên lâm sàng ○ Thân nhiệt <= 37⁰ C ○ Cận lâm sàng: Công thức máu bình thường; bộ mỡ bình thường; men gan SGOT, SGPT bình thường; hình ảnh gan, mật bình thường trên siêu âm. <p>- Thời gian: 12 tháng</p> <p>Cách thực hiện</p>	8.000.000	Bs. Nguyễn Hoàng Thuấn	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
			<ul style="list-style-type: none"> ○ Tập huấn bác sĩ siêu âm để có được các phép đo chuẩn. ○ Siêu âm, đo đặc các thông số đặt ra ở phần mục tiêu chuyên biệt. ○ Nhập - Xử lý số liệu. ○ Nhận xét, bàn luận. ○ Báo cáo khoa học. 			
9.	Nghiên cứu tình hình trẻ thiếu máu thiếu sắt nhập khoa huyết học, bệnh viện Nhi đồng Cần Thơ	1. Xác định tỉ lệ một số đặc điểm dịch tễ học của trẻ thiếu máu thiếu sắt (TMTS). 2. Xác định tỉ lệ một số đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở trẻ TMTS. 3. Tìm hiểu một số yếu tố nguy cơ liên quan tới TMTS.	- Tất cả trẻ TMTS nhập Khoa Huyết Học trong thời gian từ 06/2012 - 06/2013 được khảo sát toàn bộ những đặc điểm dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng, các yếu tố nguy cơ liên quan với TMTS theo bệnh án mẫu với mục tiêu: + Mô tả các đặc điểm dịch tễ. + Mô tả các đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng + Mô tả các yếu tố nguy cơ liên quan với TMTS. - Số liệu được nhập bằng phần mềm EpiData 3.1 và phân tích bằng phần mềm STATA 10.0.	8.000.000	Ths. Chung Hữu Nghị	
10.	Đánh giá kết quả bước đầu phẫu thuật thay khớp háng tại bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, ở những bệnh nhân có chỉ định phẫu thuật thay khớp háng 2. Đánh giá kết quả bước đầu phẫu thuật thay khớp háng tại bệnh viện Trường ĐH Y dược Cần Thơ	- Nghiên cứu mô tả - Đối tượng: Tất cả các bệnh nhân có chỉ định thay khớp háng tại bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ trong thời gian nghiên cứu - Các bước thực hiện + Lựa chọn bệnh nhân có chỉ định thay khớp + Thu thập các thông tin bệnh nhân theo mẫu thu thập số liệu	8.000.000	Ths. Nguyễn Thành Tấn	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
			+ Hẹn bệnh nhân tái khám định kỳ + Phân tích số liệu và báo cáo kết quả			
11.	Nghiên cứu tình hình nhiễm human papiloma virus từ 18 đến 65 tuổi tại Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	1. Xác định tỷ lệ nhiễm human papiloma virus ở phụ nữ trong độ tuổi 18-65. 2. Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến nhiễm human papillomavirus ở phụ nữ trong độ tuổi 18- 65.	- Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích - Tiêu chuẩn chọn: Phụ nữ tuổi từ 18 đến 60 có chồng và có hộ khẩu thường trú tại các phường xã thuộc quận-huyện trong TP Cần Thơ. -Tiêu chuẩn loại trừ: Những trường hợp chống chỉ định làm phết mỏng; soi CTC hoặc sinh thiết CTC như có thụt rửa âm đạo, đặt thuốc, giao hợp trong vòng 24 giờ; đang hành kinh; viêm nhiễm âm đạo, CTC nặng.... (n=500) <i>Các biến số nghiên cứu</i> + Tuổi + Trình độ học vấn + Nghề nghiệp + Tình trạng kinh tế gia đình - Các bước thực hiện: 1. <i>Xác định tỷ lệ nhiễm human papillomavirus (HPV) ở phụ nữ thành phố Cần Thơ độ tuổi từ 18 đến 65</i> + Tiến hành chọn mẫu khám phụ khoa và lấy dịch phết cổ tử cung trên các phụ nữ thuộc đối tượng nghiên cứu đã được chọn. + Thực hiện phản ứng realtime PCR để xác định tỷ lệ HPV (+) và HPV (-) ở đối tượng nghiên cứu tại phòng xét nghiệm sinh học phân tử, Bộ môn Sinh lý bệnh- Miễn dịch, Khoa Y,	10.000.000	Bs. CKII. Nguyễn Thị Huệ	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
			<p>Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.</p> <p>+ Xác định tỷ lệ nhiễm HPV ở đối tượng nghiên cứu thông qua kết quả xét nghiệm HPV (+) và phân tích dữ liệu thu được.</p> <p>+ Thực hiện kỹ thuật realtime PCR trên các mẫu DNAHPV để xác định genotypes của HPV trên nhóm phụ nữ có HPV (+) tại phòng thí nghiệm Sinh học phân tử của Khoa Y, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ để Xác định tỷ lệ và định danh các type HPV trên các phụ nữ bị nhiễm ở thành phố Cần Thơ</p> <p>+ Xác định tỷ lệ các types HPV trên nhóm phụ nữ có HPV (+).</p> <p>2. <i>Xác định các yếu tố nguy cơ có liên quan đến nhiễm HPV:</i> tiến hành phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu bằng bộ câu hỏi soạn sẵn về một số yếu tố nguy cơ lây nhiễm HPV như tuổi tiếp xúc với quan hệ tình dục, số bạn tình, thói quen dùng bao cao su , hút thuốc lá... và xác định tỷ lệ các yếu tố liên quan</p>			
12.	Nghiên cứu kết quả điều trị tiền ung thư được phát hiện bằng phương pháp áp lạnh hoặc LEEP tại Cần Thơ	<p>1.Khảo sát đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng các tổn thương cổ tử cung ở phụ nữ Thành phố Cần Thơ trong độ tuổi từ 18 đến 65.</p> <p>2. Đánh giá kết quả điều trị các tổn thương tiền ung thư cổ tử cung được phát hiện bằng phương pháp áp lạnh hoặc LEEP.</p>	<p>- Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích</p> <p>- Tiêu chuẩn chọn: Phụ nữ tuổi từ 18 đến 65 có chồng và có hộ khẩu thường trú tại các phường xã thuộc quận-huyện trong Tp Cần Thơ.</p> <p>- Tiêu chuẩn loại trừ: Những trường hợp chống chỉ định làm phết mỏng; soi CTC hoặc sinh thiết CTC như có thụt rửa âm đạo, đặt thuốc, giao hợp</p>	15.000.000	Ths. Lâm Đức Tâm	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
			<p>trong vòng 24 giờ; đang hành kinh; viêm nhiễm âm đạo, CTC nặng....</p> <p>- Các biến số nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tuổi + Trình độ học vấn + Nghề nghiệp + Tình trạng kinh tế gia đình <p>Các bước thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở phụ nữ thành phố Cần Thơ độ tuổi từ 18 đến 65 + Tiến hành chọn mẫu khám phụ khoa và lấy dịch phết cổ tử cung trên các đối tượng nghiên cứu; thực hiện phản ứng realtime PCR để xác định tỷ lệ HPV (+) và HPV (-) ở đối tượng nghiên cứu tại phòng xét nghiệm sinh học phân tử, Bộ môn SLBMD, Trường ĐHYD Cần Thơ. + Ghi nhận những dấu hiệu lâm sàng, cận lâm sàng của các phụ nữ. - Đánh giá kết quả điều trị các tổn thương tiền ung thư cổ tử cung được phát hiện bằng phương pháp áp lạnh hoặc LEEP 			
13.	Khảo sát các chỉ số, số đo thường dùng trên phim X quang ngực thẳng ở bệnh nhân kiểm tra sức khỏe tuổi từ 18 - 80 tại bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ	<p>1. Khảo sát chiều cao lồng ngực, khoảng cách giữa các khoang gian sườn.</p> <p>2. Khảo sát chiều cao vòm hoành, độ chênh giữa hai vòm hoành.</p> <p>3. Khảo sát đường kính động mạch phổi trung gian, độ rộng động mạch</p>	<p>- Nghiên cứu mô tả cắt ngang.</p> <p>- Thời gian nghiên cứu: 05/2012 - 06/2012 tại phòng X quang khoa chẩn đoán hình ảnh bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ</p> <p>- Cỡ mẫu:</p> $n = \frac{Z^2 \delta^2}{c^2} = \frac{1,96^2 2.5^2}{0.2^2} \approx 600$ <p>n: cỡ mẫu nhỏ nhất</p>	10.000.000	Bs.CKI. Lâm Đông Phong	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
		phổi gốc, độ rộng quai động mạch chủ. 4. Khảo sát hình thức nhĩ (P), thất (T), vị trí của mỏm tim so với đường trung đòn (T), đường kính ngang tim, đường kính ngang lồng ngực, chỉ số tim ngực, góc khí phế quản	$Z=1.96$ với mức tin cậy mong muốn là 95% $\delta=2,5\text{cm}$ $c=0,2\text{cm}$ là độ chính xác chúng tôi mong muốn Vậy cỡ mẫu là 600 - <i>Phương pháp chọn mẫu:</i> Chọn mẫu thuận tiện: đối tượng thỏa tiêu chuẩn được chọn vào mẫu trong suốt thời gian khảo sát. - <i>Các bước thực hiện</i> + Tập huấn bác sĩ thực hiện phép đo chuẩn trên phim X quang ngực. + Chọn mẫu: chọn những bệnh nhân đến bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ kiểm tra sức khỏe, với điều kiện những đối tượng này không có biểu hiện bệnh lý trên lâm sàng và các cận lâm sàng. + Tiến hành đo, lấy chỉ số trên bệnh nhân thỏa tiêu chuẩn đã chọn. + Ghi lại danh sách bệnh nhân sau khi thu thập thông tin + Xử lý số liệu và báo cáo			
14.	Khảo sát giá trị của quan sát cổ tử cung bằng mắt thường sau khi bôi acid acetic trong tầm soát ung thư cổ tử cung tại Thành phố Cần Thơ	1. Khảo sát đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở phụ nữ độ tuổi 18- 65 tại thành phố Cần Thơ. 2. Xác định giá trị của giá trị của quan sát cổ tử cung bằng mắt thường sau khi bôi acid acetic trong tầm soát ung thư cổ tử cung	-Nghiên cứu mô tả cắt ngang - <i>Tiêu chuẩn chọn mẫu:</i> Phụ nữ tuổi từ 18 đến 60 có chồng và có hộ khẩu thường trú tại các phường xã thuộc quận- huyện trong Thành phố Cần Thơ. - <i>Tiêu chuẩn loại trừ:</i> Những trường hợp chống chỉ định làm phết mỏng; soi CTC hoặc sinh thiết CTC như có thụt rửa âm đạo, đặt thuốc, giao hợp	10.000.000	Ths. Trần Khánh Nga	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
			<p>trong vòng 24 giờ; đang hành kinh; viêm nhiễm âm đạo, CTC nặng....</p> <p>- Các biến số nghiên cứu</p> <p>+ Tuổi</p> <p>+ Trình độ học vấn</p> <p>+ Nghề nghiệp</p> <p>+ Tình trạng kinh tế gia đình</p> <p>Các bước thực hiện:</p> <p>- Phết tế bào âm đạo- cổ tử cung</p> <p>- Quan sát cổ tử cung bằng mắt thường sau khi bôi acid acetic</p> <p>- Xác định giá trị của quan sát cổ tử cung sau bôi acid acetic</p>			
15.	Nghiên cứu kháng Insulin ở bệnh nhân suy tim mạn do thiếu máu cục bộ cơ tim	<p>1. Xác định tỷ lệ kháng insulin ở bệnh nhân suy tim mạn do thiếu bằng hai chỉ số HOMA và QUICKI.</p> <p>2. Khảo sát mối liên quan giữa các chỉ số kháng insulin với đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân suy tim mạn.</p>	<p>- Nghiên cứu mô tả cắt ngang, tiến cứu</p> <p>- Cỡ mẫu:</p> <p>n= 93</p> $n = \frac{Z^2_{1-\alpha/2} p (1 - p)}{d^2}$ <p>Chọn n=100, phân chia làm 2 nhóm:</p> <p>- Nhóm 1: 50 bệnh nhân suy tim do thiếu máu cơ tim</p> <p>- Nhóm 2: 50 bệnh nhân suy tim không do thiếu máu cơ tim</p> <p>Trong đó:</p> <p>- n: số đối tượng nghiên cứu</p> <p>- α: mức ý nghĩa thống kê (0,05)</p> <p>- $Z_{1-\alpha/2}$: giá trị Z thu được từ bảng Z ứng với giá trị được chọn ($\alpha = 0,05$) ứng với giá trị $Z_{1-\alpha/2}$ tương ứng là 1,96.</p> <p>- p: tỷ lệ KI ở nam giới bệnh động mạch vành (0,40)</p>	15.000.000	Ths. Trần Kim Sơn	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
			<p>- d: sai số mong muốn ($d = 0,10$)</p> <p>- <i>Tiêu chuẩn chọn bệnh</i></p> <p>Bệnh nhân được chẩn đoán suy tim nhập viện tại BVĐKTW Cần Thơ, BV Trường ĐH YD Cần Thơ và BVĐK TP Cần Thơ.</p> <p>Chẩn đoán suy tim theo tiêu chuẩn Châu Âu và hội tim mạch Việt Nam</p> <p>• Nguyên nhân gây suy tim:</p> <p>- Nhóm 1: do thiếu máu cục bộ cơ tim.</p> <p>- Nhóm 2: không do thiếu máu cục bộ cơ tim (bệnh van tim)</p> <p>- <i>Tiêu chuẩn loại trừ</i></p> <p>- Có tình trạng sinh lý và bệnh lý kèm ảnh hưởng đến nghiên cứu sự nhạy cảm của insulin:</p> <p>• Tuổi dậy thì</p> <p>• Đang có thai</p> <p>• Đang dùng thuốc nội tiết tố như thuốc ngừa thai, corticoid, các catecholamin,...</p> <p>- Tiền sử ĐTĐ</p> <p>- Tiền sử tăng huyết áp</p> <p>- BMI >23, Vòng bụng: nam >90cm và nữ > 80cm</p> <p>- Không thỏa các tiêu chuẩn chọn</p> <p>Không đồng ý tham gia nghiên cứu</p> <p>- <i>Phương tiện nghiên cứu</i></p> <p>+ Máy xét nghiệm sinh hóa ARCHITECT Ci 4100 (3 Systems) (Abbot-Hoa Kỳ) tại BV trường Đại học Y Dược Cần Thơ.</p> <p>+ BV Đa khoa Trung Ương Cần Thơ: Máy xét nghiệm sinh hóa</p>			

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
			<p>ARCHITECT i 2000SR (Abbot-Hoa Kỳ); máy đo Điện Tâm Đồ NIHON KOHDEN (9620 L-2000) (Nhật) ; máy siêu âm Máy Siêu âm Kontron Sigma Iris 440; máy X-quang Bucky Diagnost (Philip).</p> <p>- Thước vải nilon để đo vòng bụng, vòng hông; cân bàn Nhơn Hòa đã được chuẩn hóa.</p> <p>- Máy đo huyết áp đồng hồ ALPK2 của Nhật và ống nghe 3M Littmann Classic II S.E của Mỹ.</p>			
16.	Đánh giá kết quả điều trị gãy kín mâm chày loại Schatzker V, VI bằng khung cố định ngoài kiểu Ilizarov	<p>1.Xác định các đặc điểm chung của gãy mâm chày loại Schatzker V, VI</p> <p>2.Đánh giá kết quả nắn chỉnh và cố định xương gãy của phương pháp điều trị này</p>	<p>- Nghiên cứu tiền cứu mô tả cắt ngang.</p> <p>- Đối tượng nghiên cứu: các bệnh nhân gãy kín mâm chày Schatzker V, VI được điều trị tại khoa CTCH - BV ĐK Trung ương Cần Thơ từ 1/2011 - 1/2013. (n=30)</p> <p>Không đưa vào nghiên cứu những bệnh nhân gãy mâm chày có tổn thương mạch khoeo, tổn thương dây chằng chéo hoặc bên, gãy hở, gãy đầu dưới xương đùi, gãy xương bánh chè cùng bên.</p> <p>- Các bước thực hiện:</p> <p>+ Bệnh nhân được khám, chẩn đoán và phẫu thuật theo qui trình thống nhất</p> <p>+ Chăm sóc hậu phẫu và tập luyện cùng qui trình</p> <p>+ Từ tuần thứ 4 sau mổ bắt đầu tì đè lên chân gãy, lực tì đè tăng dần cho đến khi chịu lực hoàn toàn trong khoảng 12 tuần tùy theo độ nát của</p>	8.000.000	Ths Nguyễn Tâm Từ	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
			<p>mâm chày.</p> <p>+ Tháo cố định ngoài khi bệnh nhân đi được không cần nạng, không còn cử động bất thường tại ô gãy và có dấu hiệu liền xương trên X quang</p> <p>+ Đánh giá kết quả theo thang điểm Hội khớp gối Hoa Kỳ (1989) được Mikulak và Stamer áp dụng chia ra làm 4 loại:</p> <p>Rất tốt: 90-100 điểm</p> <p>Tốt: 80-89 điểm</p> <p>Trung bình: 70-79 điểm</p> <p>Kém: < 70 điểm</p> <p>- Về kết quả X quang, đánh giá theo thang điểm của Honkonen và Jarvinen lượt bỏ chỉ số độ nghiêng mâm chày và độ thoái hóa khớp</p> <p>- Số liệu được lưu trữ và xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS</p>			
KHOA DUỢC (8 ĐỀ TÀI)						
17.	Khảo sát độ ổn định của dung dịch Povidone iodine 10%	<p>1. Xác định hệ đệm phù hợp với dung dịch PVP – I 10%</p> <p>2. Khảo sát độ ổn định của dung dịch Povidone iodine 10% với sự thay đổi chất hoạt động bề mặt và chất tạo độ nhớt trong công thức</p>	<p>- Pha nhiều công thức với các hệ đệm khác nhau, độ nhớt, chất hoạt động bề mặt khác nhau</p> <p>- Khảo sát độ ổn định của dung dịch Povidone iodine 10% ở các điều kiện khác nhau: nhiệt độ thường, 60°C, 65°C, các độ ẩm khác nhau</p>	8.000.000	DS. CKII. Nguyễn Văn Ảnh	
18.	Nghiên cứu phân lập một số nhóm hợp chất hóa học từ phân đoạn cao Either dầu của nhân trần tía (Adenosma	<p>1. Xác định các điều kiện sắc ký tối ưu của cao chiết ether dầu</p> <p>2. Phân lập một vài hợp chất hóa học từ cao ether dầu</p>	<p>- Chiết xuất phân bố lỏng lỏng cao ether dầu từ cao chiết toàn phần</p> <p>- Thăm dò các điều kiện sắc ký tối ưu cho cao chiết ether dầu</p> <p>- Phân lập và tinh khiết một vài hợp chất hóa học bằng các kỹ thuật sắc ký</p>	10.000.000	Ths. Nguyễn Ngọc Quỳnh	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
	bracteosum Bonati)	3. Xác định cấu trúc các nhóm hợp chất phân lập được.	TLC, VLC, CC từ cao ether dầu. - Xác định cấu trúc các nhóm hợp chất phân lập được bằng phổ IR, UV, NMR.			
19.	Xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm một số chế phẩm có chứa vi khuẩn probiotic đang lưu hành tại Cần Thơ	Xây dựng chỉ tiêu kiểm nghiệm chế phẩm có chứa chủng Lactobacillus cidophilus và Bacillus subtilis	- Lấy mẫu một số chế phẩm chứa Probiotic đang lưu hành tại Cần Thơ. - Xây dựng phương pháp phân lập một số chủng Lactobacillus cidophilus và Bacillus subtilis từ những mẫu trên. - Xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm: chỉ tiêu và phương pháp thử. - Thẩm định phương pháp kiểm nghiệm. - Ứng dụng phương pháp đã được thẩm định kiểm nghiệm một số chế phẩm có Probiotic đang lưu hành tại Cần Thơ	15.000.000	Ths. Dương Thị Trúc Ly	
20.	Nghiên cứu bào chế phức chất curcumin có độ hòa tan cao	1. Điều chế phức chất curcumin với các chất mang khác nhau 2.Xác định độ hòa tan của các phức trên 3. Tối ưu hóa công thức điều chế phức chất trên	- Tìm hiểu các tài liệu liên quan đến điều chế phức chất - Điều chế và xác định độ hòa tan của phức chất curcumin - Tối ưu hóa qui trình điều chế phức chất - Xác định được công thức phức chất curcumin có độ hòa tan cao nhất	15.000.000	Ths. Huỳnh Thị Mỹ Duyên	
21.	Xây dựng và thẩm định qui trình định lượng curcumin	1. Xây dựng qui trình định lượng curcumin bằng phương pháp UV-Vis 2. Xây dựng qui trình định lượng curcumin bằng phương pháp HPLC	1. Tìm hiểu các tài liệu liên quan đến phương pháp định lượng curcumin 2. Thẩm dò các thông số cần thiết cho qui trình định lượng curcumin 3. Thẩm định các thông số đã thẩm dò 4. Xây dựng qui trình định lượng curcumin bằng cả 2 phương pháp	12.000.000	Ths. Lê Thị Minh Ngọc	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
			quang phổ UV – Vis và HPLC			
22.	Nghiên cứu bào chế viên nén phóng thích kéo dài chứa metformin và sitagliptin	<p>1. Xây dựng và thẩm định qui trình định lượng metformin và sitagliptin trong phép đo độ hòa tan bằng phương pháp quang phổ UV-Vis.</p> <p>2. Xây dựng công thức và qui trình bào chế viên nén phóng thích kéo dài chứa metformin hydroclorid 500 mg và sitagliptin 50 mg ở qui mô labo.</p> <p>3. Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật và phương pháp kiểm nghiệm cho viên phóng thích kéo dài chứa metformin hydroclorid 500mg và sitagliptin 50 mg.</p>	<p>- Thẩm dò điều kiện định lượng và thẩm định qui trình định lượng hai hoạt chất.</p> <p>- Khảo sát công thức cơ bản bào chế và tiến hành thiết kế, tối ưu hóa công thức và qui trình bào chế.</p> <p>- Xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm cho chế phẩm.</p>	15.000.000	Ths. Nguyễn Ngọc Nhã Thảo	
23.	Nghiên cứu bào chế hệ tiểu phân nano của curcumin	<p>1. Bào chế hệ tiểu phân nano của curcumin.</p> <p>2. Phân tích các tính chất của tiểu phân bằng thiết bị phù hợp.</p>	<p>- Kiểm nghiệm nguyên liệu.</p> <p>- Xây dựng quy trình bào chế hệ tiểu phân nano của curcumin.</p> <p>- Đánh giá tính chất của tiểu phân nano.</p>	10.000.000	Ths. Nguyễn Thị Linh Tuyền	
24.	Nghiên cứu thực trạng hoạt động của cơ sở bán lẻ thuốc trong bệnh viện trên địa bàn thành phố Cần Thơ sau khi đạt chuẩn GPP	<p>1. Khảo sát thực trạng hoạt động của các cơ sở bán lẻ thuốc trong bệnh viện đã đạt chuẩn “Thực hành tốt nhà thuốc” trên địa bàn Thành Phố Cần Thơ đến 31/12/2012.</p>	<p>- Xác định số lượng cơ sở bán lẻ thuốc trong bệnh viện trên địa bàn thành phố Cần Thơ đạt GPP đến 31/12/2012</p> <p>- Khảo sát thực trạng hoạt động của các cơ sở bán lẻ thuốc trong bệnh viện đã đạt chuẩn GPP.</p> <p>- So sánh kết quả khảo sát với những</p>	10.000.000	Ds. Trần Thị Tuyết Phụng	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
		2. Đánh giá các hoạt động của cơ sở đã khảo sát so với tiêu chuẩn “Thực hành tốt nhà thuốc” do Bộ Y tế ban hành.	qui định về tiêu chuẩn GPP do Bộ y tế ban hành. - Đánh giá các hoạt động của nhà thuốc sau khi đạt GPP.			
KHOA YTCC (3 ĐỀ TÀI)						
25.	Sức khỏe tâm thần học sinh phổ thông thành phố Cần Thơ	1. Mô tả thực trạng các vấn đề SKTT và hành vi nguy cơ cho sức khỏe ở học sinh THPT trên địa bàn thành phố Cần Thơ 2. Xác định các yếu tố liên quan đến SKTT và hành vi nguy cơ cho sức khỏe của học sinh THPT trên địa bàn thành phố Cần Thơ	<p>Nội dung 1: Mô tả thực trạng sức khỏe tâm trí của học sinh phổ thông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế nghiên cứu cắt ngang mô tả - Địa điểm nghiên cứu: TP Cần Thơ - Đối tượng nghiên cứu: học sinh phổ thông trung học - Cách chọn mẫu: chọn mẫu cụm trải qua 2 giai đoạn <p>Giai đoạn 1: chọn mẫu ngẫu nhiên: chọn 3 trường PTTH (01 trường PTTH chuyên; 01 trường PTTH thuộc thành thị; và 01 trường PTTH thuộc nông thôn)</p> <p>Giai đoạn 2: chọn lớp: Có 3 khối lớp ở mỗi trường, chọn ngẫu nhiên 02 lớp học sinh ở mỗi khối lớp. Vậy tổng số lớp chọn là 18 lớp (9 lớp/trường x 3 trường)</p> <p>Cỡ mẫu:</p> $n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{1-P}{\varepsilon^2 P}$ <p>n: cỡ mẫu tối thiểu cần thiết cho nghiên cứu</p> <p>α : sai lầm loại 1 = 0.05 ứng với khoảng tin cậy 95%.</p> <p>$Z_{1-\alpha/2} = 1.96$</p>	15.000.000	Ths. Nguyễn Tấn Đạt	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
			<p>Dựa vào tỷ lệ buồn chán và tuyệt vọng mỗi ngày trong vòng 2 tuần trong 12 tháng qua từ các 17,6% (ở học sinh phổ thông cơ sở) đến 34% (sinh viên đại học năm thứ nhất) từ các tác giả nghiên cứu trong nước [NT Hương 2006, TB Phương 2007, NT Đạt 2009]. Cỡ mẫu tương ứng được tính là 733 và 292. Cỡ mẫu lớn hơn (733) được chọn và khoảng 10% ước tính cho dữ liệu khuyết (không hợp lệ) và từ chối tham gia nghiên cứu. Nên cỡ mẫu cuối cùng được chọn là 800 học sinh THPT.</p> <p>- Công cụ thu thập số liệu: Bộ câu hỏi tự điền</p> <p>- Phương pháp thu thập số liệu: học sinh tự điền vào bộ câu hỏi soạn sẵn trong lớp học vào thời gian thích hợp.</p> <p>Nội dung 2: Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến sức khỏe tâm thần của học sinh phổ thông. Sẽ được thực hiện đồng thời với nghiên cứu cắt ngang trên Các yếu tố liên quan đến sức khỏe tâm thần của học sinh bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yếu tố nhân chủng học - Yếu tố bản thân - Học tập - Hoàn cảnh gia đình - Môi trường trường học - Môi trường xã hội 			

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
26.	Nghiên cứu tình hình dinh dưỡng, khẩu phần ăn và các yếu tố liên quan khác ở trẻ từ 11 – 14 tuổi tại thành phố Cần Thơ năm 2012	<p>1. Phân loại tình trạng dinh dưỡng ở trẻ từ 11 – 14 tuổi thành phố Cần Thơ năm 2012.</p> <p>2. Đánh giá giá trị các chất dinh dưỡng và tính cân đối trong khẩu phần ăn của trẻ so với khuyến nghị của Bộ Y Tế.</p> <p>3. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến tình trạng dinh dưỡng của trẻ.</p>	<p>- <i>Đối tượng nghiên cứu:</i> Trẻ từ 11 – 14 tuổi tại thành phố Cần Thơ.</p> <p>- <i>Địa điểm nghiên cứu:</i> 5 trường Trung Học Cơ Sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ.</p> <p>- Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.</p> <p>- Chọn mẫu:</p> $n = Z^2_{1-\alpha/2} \frac{pq}{e^2}$ <p>Trong đó: Z: hệ số giới hạn tin cậy với hệ số tin cậy 95%. P: theo nghiên cứu của nhóm tác giả Phạm Văn Hoan, Hồ Thu Mai, Nguyễn Hữu Bắc năm 2007 ở Hà Nội tỉ lệ thiếu dinh dưỡng ở nhóm tuổi 9 – 14 tuổi (BMI/tuổi < 5th) là 31,8% . q = 1 - p e sai số mong muốn = 5% $n = 1,96^2 \times \frac{0,318 \times 0,682}{0,05^2} \approx 334$</p> <p>Từ 11 - 14 tuổi có 4 nhóm tuổi, tương đương 4 cụm mẫu, vậy tổng số học sinh cần chọn là: 334 x 4 = 1336 học sinh.</p> <p>- Chọn trường vào nghiên cứu: chọn 5 trường THCS sao cho có đủ các địa bàn trên TP Cần Thơ (bốc thăm ngẫu nhiên chọn mỗi quận/huyện 1 trường).</p> <p>- Chọn học sinh nghiên cứu: Lập danh sách tất cả học sinh từ lớp 6 tới lớp 9 của mỗi trường, có năm sinh từ năm 1998 - 2001, chọn mẫu ngẫu</p>	10.000.000	Bs. Nguyễn Thị Hiền	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
			<p>nhiên hệ thống với $k = 3$.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn mẫu cho điều tra khẩu phần ăn: chọn tất cả các học sinh nữ (vì nữ nắm rõ thành phần thức ăn chi tiết, chính xác hơn nam). - Phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu bằng phiếu thu thập số liệu đã chuẩn bị sẵn. - Số liệu được phân tích và xử lý bằng phần mềm SPSS 18.0 			
27.	Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành và các yếu tố liên quan đến phòng chống SXH Dengue của người dân TPCT năm 2012.	<p>Xác định tỉ lệ người dân có kiến thức, thái độ, thực hành đúng về phòng chống SXH trong bối cảnh biến đổi khí hậu</p> <p>2. Xác định các yếu tố liên quan với kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống SXH.</p> <p>3. Đánh giá các chỉ số giám sát vector truyền bệnh SD/SXHD trong các tháng 6,7,8,9,10 tại địa phương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Đối tượng nghiên cứu:</i> người dân TPCT không phân biệt giới tính, dân tộc, nghề nghiệp, trình độ văn hóa. - Tiêu chuẩn loại trừ: những người không thể trả lời phỏng vấn như mất trí nhớ do quá cao tuổi, bệnh tâm thần, câm điếc... - Thời gian 30/05 đến 30/10/2012 - <i>Thiết kế nghiên cứu:</i> Mô tả cắt ngang, kết hợp nghiên cứu định tính và định lượng - <i>Cỡ mẫu:</i> $n = \frac{Z^2_{(1-\alpha/2)} \cdot p \cdot (1-p)}{d^2}$ <p><u>Trong đó:</u> n: cỡ mẫu Với $\alpha = 0,05$ (độ tin cậy là 95%), $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$ p: Tỉ lệ % hộ gia đình có KAP tốt Theo nghiên cứu của tác giả của Lê Văn Nghiệp tại Kiên Giang 2010, số hộ có KAP tốt khoảng 30%. Chọn $p = 0,3$.</p> 	10.000.000	Ds. Trương Trần Nguyên Thảo	

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
			<p>d: Mức độ sai số chấp nhận được (= 0,05) Tính được $n = 322,69$. Để tránh mất mẫu và hạn chế sai số, dùng hiệu ứng thiết kế = 1,5 => Mẫu khảo sát = 484 người</p> <p>- Phương pháp chọn mẫu :</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Chọn mẫu theo phương pháp chọn mẫu nhiều giai đoạn <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chọn ngẫu nhiên 2 Quận, huyện của TPCT theo phương pháp bốc thăm 2 quận huyện được chọn là Phong Điền và Cái Răng, mỗi quận huyện chọn 2 phường xã, ▪ Mỗi phường xã chọn 4 tổ ▪ Mỗi tổ chọn 31 hộ phân bố đều trên toàn địa bàn tổ. ▪ Để phỏng vấn: mỗi hộ chọn chủ hộ hoặc người đại diện thỏa tiêu chí chọn mẫu: Chủ hộ hoặc người đại diện (Nam/ nữ) ≥ 18 tuổi. ▪ Mỗi tháng chọn ngẫu nhiên 30 hộ để thu thập các chỉ số giám sát vector, chọn hộ gia đình ngẫu nhiên có thể lặp lại hay không lặp lại trên 30 hộ gia đình đã chọn tháng trước và không báo trước về ngày thu thập cho hộ gia đình. - Thu thập số liệu - Số liệu được phân tích và xử lý bằng phần mềm SPSS 			

TT	TÊN ĐỀ TÀI	MỤC TIÊU	NỘI DUNG CHỦ YẾU	KINH PHÍ DUYỆT (VNĐ)	CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GHI CHÚ
TRUNG TÂM CNTT						
28.	Đánh giá ưu khuyết điểm phần mềm quản lý bệnh viện trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Đánh giá ưu khuyết điểm phần mềm quản lý bệnh viện trường Đại học Y Dược Cần Thơ	<i>Thiết kế nghiên cứu:</i> Mô tả cắt ngang <i>Nội dung nghiên cứu:</i> Phát phiếu đánh giá cho các Khoa, đơn vị, Phòng ban bv - Tiêu chí đánh giá phần mềm: Tính hiệu quả, năng suất, tính an toàn, tính thỏa mãn. - Xử lý số liệu và báo cáo	14.000.000	Ths Trần Văn Nguyên	

Tổng cộng: 28 đề tài

Tổng kinh phí duyệt: 310.000.000đ (Ba trăm mười triệu đồng)

Nơi nhận:

- Các đơn vị thuộc trường;
- BGH (để b/c);
- Lưu HCTH, NCKH, TCKT.

